TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 27-3-2023
V/v Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trang Văn Hận;

2. Ông Trương Minh Quang.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa*: Ông Phạm Văn Sóc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 188/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2023/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1972.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: ấp Tân Hòa T, xã Tân H, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: ấp Cả G, xã Bình P, huyện Tân H, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Võ Ngọc C, sinh năm 1968

Địa chỉ: ấp Tân Hòa T, xã Tân H, thành phố H, Đồng Tháp.

4.2. Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp Tân Hòa T, xã Tân H, thành phố H, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày: Do mâu thuẫn tranh chấp đất từ trước nên ông Nguyễn Văn T cầm dao tầm bứt xâm nhập vào nhà bà chặt lìa 02 (Hai) cây dừa đang cho trái và 01 (Một) cây vú sữa đang ăn trái của bà đã trồng lâu năm. Công an xã Tân Hội đã lập biên bản vào ngày 14/11/2021, tại biên bản ông Nguyễn Văn T thừa nhận là có chặt, huỷ hoại của bà 02 (Hai) cây dừa đang cho trái và 01 (Một) cây vú sữa đang ăn trái. Bà có yêu cầu bồi thường thiệt hại cho bà là 9.000.000đồng, ông T đồng ý bồi thường với điều kiện chồng bà là ông Huỳnh Văn Sang đứng ra yêu cầu thì ông T mới bồi thường, nhưng bà và chồng bà hiện đã ly hôn, chồng bà có làm văn bản uỷ quyền lại cho bà là bà được toàn quyền yêu cầu ông T bồi thường. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại cho bà đối với 02 (Hai) cây dừa và 01 (Một) cây vú sữa bị chặt số tiền là 9.000.000đồng. Bà T xác định: Cây dừa trồng được 07 năm do đất không màu mỡ nên cây chậm phát triển, khi ông T chặt vẫn chưa ra trái; Còn cây vú sữa trồng được 05 năm, có bề hoành khoảng 30cm, mới vừa ra trái ăn được một đợt thì bị ông T chặt. Tại phiên toà, bà T rút lại một phần yêu cầu là chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn T bồi thường cho bà số tiền 1.780.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

- Bị đơn ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tống đạt hợp lệ cho ông T nhiều lần, có lần ông T từ chối nhận văn bản tố tụng do Toà án tống đạt, do đó ông T biết việc bà Phạm Thị T khởi kiện yêu cầu ông bồi thường nhưng ông không có văn bản ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn S trình bày: Tài sản bị thiệt hại trong vụ án này là của ông và bà T trong giai đoạn hôn nhân. Nhưng nay ông bà đã ly hôn nên ông giao tài sản này lại cho bà T toàn quyền quyết định yêu cầu ông T bồi thường, ông không có yêu cầu, không tranh chấp gì trong vụ án này.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Riêng ông Huỳnh Văn S, ông Võ Ngọc C, bà Nguyễn Thị K có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự này. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T. Buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm cho bà Phạm Thị T số tiền 1.780.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Riêng ông Huỳnh Văn S, ông Võ Ngọc C và bà Nguyễn Thị K có đơn xin vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xét xử vắng mặt đương sự này. Vì vậy, căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn T, ông Huỳnh Văn S, ông Võ Ngọc C và bà Nguyễn Thị K.

[2] *Về nội dung vụ án*:

- Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị T yêu cầu ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản của bà bị thiệt hại gồm 02 (Hai) cây dừa và 01 (Một) cây vú sữa với số tiền là 9.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy:

+ Ông Huỳnh Văn S cho rằng tài sản bị thiệt hại trong vụ án này là của ông và bà T trong giai đoạn hôn nhân. Nhưng nay ông bà đã ly hôn nên ông giao tài sản này lại cho bà Phạm Thị T toàn quyền quyết định yêu cầu ông T bồi thường, ông không có yêu cầu, không tranh chấp gì trong vụ án này. Do đó, bà Phạm Thị T có quyền khởi kiện trong vụ án này.

+ Nguyên nhân xảy ra vụ việc là do mâu thuẫn từ vụ tranh chấp đất giữa bà T (mẹ ông T) với bà T nên ông T có hành vi đốn chặt cây trên đất tranh chấp (đất tranh chấp là đất mé sông xã Tân Hội, do Nhà nước quản lý).

+ Tại Biên bản hòa giải ngày 14/11/2021 của công an xã Tân Hội, ông T thừa nhận hành vi đốn chặt cây của người khác là sai, khi nào ông S có yêu cầu bồi thường thì Cơ quan Công an mời ông sẽ đến giải quyết bồi thường cho ông S. Tài sản yêu cầu bồi thường ở Công an xã Tân Hội là 02 (Hai) cây dừa và 01 (một) cây vú sữa, giá trị yêu cầu bồi thường mỗi cây là 10.000.000đồng.

+ Theo xác nhận của người làm chứng ông Võ Ngọc C người cùng xóm, có chứng kiến việc ông Nguyễn Văn T đốn chặt cây của bà Phạm Thị T là 02 (Hai) cây dừa và 01 (Một) cây vú sữa, cây do phía bà T trồng nằm trên phần đất dưới mé sông do bà T đang sử dụng.

+ Theo xác nhận của người làm chứng bà Nguyễn Thị K thì lúc bà T và ông T cự cải bà có nghe vì bà đang ở trong nhà (nhà bà xác ranh phần đất tranh chấp) bà có nghe tiếng ông T đốn chặt cây, bà nghe ông T nói đất là của T nên T đốn hết cây. Bà chỉ thấy ông T chặt 01 cây dừa vì cây dừa ở cặp nhà bà, cây dừa này cao sắp cho trái chứ chưa có trái, còn các cây khác thì bà không rõ là cây gì.

+ Như vậy xác định: Việc ông Nguyễn Văn T có gây thiệt hại về tài sản cho bà Phạm Thị T là có thật. Tài sản bị thiệt hại là 02 (Hai) cây dừa trồng được 07 năm, chưa có trái và 01 (Một) cây vú sữa trồng được 05 năm đang cho trái.

+ Do thời gian tác động nên khi Toà án giải quyết trong vụ án này, qua xem xét thẩm định tại chỗ thì tài sản bị thiệt hại không còn và không còn nhận dạng được hình dạng, kích thước là như thế nào. Do đó, Hội đồng định giá có tiến hành định giá nhưng định giá không được và đề nghị Toà án xem xét giá tài sản trang chấp theo vật tương tự. Theo cung cấp thông tin của Phòng Tài chính-Kế hoạch thành phố Hồng Ngự tại Công văn số 133/PTCKH ngày 08/02/2023 thì 01 (Một) cây dừa trồng được 07 năm, chậm phát triển và chưa cho trái, có giá là 490.000đ/cây (02 cây là 960.000đồng), 01 cây vú sữa trồng được 05 năm, đã cho trái một đợt, có giá là 800.000đ/cây. Tổng giá trị là 1.780.000đồng. Bà Phạm Thị T không cung cấp được chứng cứ chứng minh giá trị thiệt hại mà ông Nguyễn Văn T đã gây thiệt hại về tài sản cho bà là 9.000.000đồng. Tại phiên toà, bà T rút lại một phần yêu cầu là chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn T bồi thường cho bà số tiền 1.780.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng). Xét thấy đây là sự tự nguyện của đương sự. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị T. Buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị T số tiền 1.780.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng) là phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 585 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự là có căn cứ như nhận định ở trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận là phù hợp với quy định pháp luật.

- Về án phí:

+ Buộc ông Nguyễn Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

+ Bà Phạm Thị T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

- Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 400.000đồng, do bà Phạm Thị T được chấp nhận yêu cầu nên ông Nguyễn Văn T phải chịu 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng để trả lại cho bà Phạm Thị T vì bà T đã tạm ứng trước và đã chi xong.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự; Khoản 6 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T.

Buộc ông Nguyễn Văn T bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Thị T số tiền 1.780.000đ (Một triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Văn T chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị T được nhận lại 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 06709 ngày 06/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồng Ngự.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn T chịu 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) tiền chi phí tố tụng để trả lại cho bà Phạm Thị T vì bà T đã tạm ứng trước và đã chi xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phương Thảo